TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày 18-02-2022
"*V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Sơn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diện

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Anh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà:*** Ông Phan Văn Sinh - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2021/TLST-DS ngày 28/7/2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-DS ngày 21/12/2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

**Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng.

**Người làm chứng*: Ông Quách Xuân T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện C, tỉnh Lâm Đồng

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Do có quen biết từ trước nên bà H có hỏi mượn bà M số tiền 30.000.000 đồng, nhưng do bà M không có tiền nên ngày 25/8/2015 bà M có dẫn bà H đến nhà ông Quách Xuân T để vay số tiền 30.000.000 đồng cho bà H. Do ông T không biết bà H là ai nên ông T yêu cầu bà M đứng ra nhận khoản nợ này, bà M đồng ý nên bà H có viết giấy vay tiền có nội dung là bà M mượn ông T 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 tháng, lãi suất là 3%/1 tháng, sau khi viết giấy nợ xong ông

T đã đưa 30.000.000 đồng cho bà H. Sau đó do tin tưởng nên giữa bà M và bà H không viết giấy tờ gì, tuy nhiên trong quá trình bà M yêu cầu bà H trả nợ thì bà M có ghi âm các cuộc gọi điện thoại và các cuộc nói chuyện.

Nay đã hết thời gian cho vay, bà M nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H không trả, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả cho bà M số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 20%/1 năm từ ngày 25/8/2015 âm lịch (ngày 7/10/2015 dương lịch) cho đến nay, trong quá trình vay bà H đã trả lãi được 10.000.000 đồng vào ngày 25/12/2016 bà M đồng ý cấn trừ số tiền này vào tiền lãi.

Trước đây bà M có khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 6.000.000 đồng mà bà H vay riêng của bà M nhưng nay bà M rút yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày: Theo bản tự khai ngày 21/6/2021 bà Nguyễn Thị Thu H trình bày, ngày 25/12/2016 bà H và bà M có đến nhà ông T vay số tiền 30.000.000 đồng bà H là người đứng ra bảo lãnh viết giấy vay của ông T cho bà M, sau đó bà M có đưa cho bà H 10.000.000 đồng để trả tiền lãi cho ông T; theo bản tự khai ngày 26/8/2021 bà H trình bày: Vào năm 2015 bà H và bà M có đến nhà ông T vay tiền, cụ thể bà M vay 30.000.000 đồng; bà H vay 30.000.000 đồng, do bà M bị đau tay nên bà H đã viết giấy vay cho ông T và bà M. Thời gian sau bà H, bà M có trả cho ông T 10.000.000 đồng tiền lãi. Đến năm 2020 ông T có điện thoại cho bà M kêu bà M và bà H trả tiền, sau đó bà M có gọi điện thoại cho bà H yêu cầu bà H trả nợ cho ông T. Sau đó ngày 20/5/2021 bà H đã trả nợ đủ 30.000.000 đồng cho ông T và lấy giấy nợ của bà H và ông T về, còn phần nợ 30.000.000 đồng giữa bà M và ông T thì bà H không biết bà H chỉ là người viết giấy giùm.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người làm chứng trình bày:

Ngày 25/8/2015 bà H và bà M cùng đến vay tiền của ông T. Bà H muốn vay mượn tiền của ông T nhưng do ông T không quen bà H nên ông T không cho bà H vay. Bà M đứng ra bảo lãnh và đứng vay của ông T 30.000.000 đồng vay cho bà H. Ông thỏa thuận lãi suất với bà H, bà M lãi suất vay hàng tháng 30.000 đồng/ 01 triệu/ 01 tháng. Sau đó một năm bà H mang tới nhà trả cho ông T 10.000.000 đồng tiền lãi suất của khoản vay nhưng sau đó không trả gốc và lãi suất cho ông T nên ông T đòi bà M số tiền đã vay. Hiện nay bà M kiện bà H ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ cho bà Bùi Thị M số tiền 30.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 20%/1 năm từ ngày vay cho đến nay. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét

tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú trên địa bàn C nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[2] Về nội dung: Bà Bùi Thị M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả nợ trả số tiền gốc 30.000.000 đồng, cùng tiền lãi suất là 20%/1 năm từ ngày 25/8/2015 âm lịch (ngày 7/10/2015 dương lịch) cho đến nay vì ngày 25/8/2015 bà M có dẫn bà H đến nhà ông Quách Xuân T để vay số tiền 30.000.000 đồng cho bà H. Bà Hiền không thừa nhận mượn của bà M số tiền trên mà cho rằng bà H có mượn riêng của ông T số tiền 30.000.000 đồng sau đó bà H đã trả hết cho ông T còn giấy mượn tiền giữa bà H và ông T bà H đã tiêu hủy. Ông Quách Xuân T xác định vào ngày 25/8/2015 bà M có dẫn bà H đến nhà ông Quách Xuân T để vay số tiền 30.000.000 đồng cho bà H, ngoài số tiền này ông T không cho bà H vay khoản tiền nào khác vì ông T và bà H không quen biết. Trong quá trình giải quyết vụ án bà M có cung cấp cho Tòa án bản ghi âm các cuộc điện thoại giữa bà M và bà H, cuộc nói chuyện giữa bà M, ông T, bà H theo nội dung các cuộc ghi âm thể hiện ông T và bà M đã đến nhà của bà H để yêu cầu bà H trả nợ, nhưng bà H đều hẹn và khất lần. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy sự việc bà M đứng ra mượn tiền của ông T để đưa cho bà H mượn, tuy không có giấy tờ nhưng đó là sự thật. Việc bà H cho rằng bà H vay của ông T khoản riêng không liên quan đến số tiền 30.000.000 đồng tiền mà bà M khởi kiện là không có căn cứ. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất từ ngày 07/10/2015 cho đến ngày là 6 năm, 4 tháng 11 ngày tương đương số tiền 38.183.000 đồng – 10.000.000 đồng = 28.183.000 đồng là phù hợp căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn như vậy là phù hợp theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tthường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị M đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị M số tiền 58.183.000 đồng (Năm mươi tám triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng; tiền nợ lãi là 28.183.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2/Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 2.909.150 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Bùi Thị M số tiền 750.000 đồng là tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0005190 ngày 28/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cát Tiên.

3/Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hứa Sơn Tùng